

Số: 144/NY - TTDVĐGTS

Lai Châu, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NIÊM YẾT VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa số 1, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

2. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá: Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Số 36, đường Võ Nguyên Giáp, phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu.

3. Tài sản đấu giá, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá; nơi có tài sản đấu giá; giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

3.1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất của 61 thửa đất ở nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

Stt	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ	Thửa đất số	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	597	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
2	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	598	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
3	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	599	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
4	Đường Võ Nguyên Giáp	14	603	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
5	Đường Võ Nguyên Giáp	14	604	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
6	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	605	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
7	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn	14	606	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	

	Thắng)								
8	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	607	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
9	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	608	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
10	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	609	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
11	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	610	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
12	Đường Võ Nguyên Giáp	14	611	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
13	Đường Võ Nguyên Giáp	14	612	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
14	Đường Võ Nguyên Giáp	14	613	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
15	Đường Võ Nguyên Giáp	14	614	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
16	Đường Võ Nguyên Giáp	14	615	126	316.512.000	63.000.000	100.000	CĐ: 100 triệu TT: 10 triệu	
17	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	617	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
18	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	618	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
19	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	620	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	

20	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	621	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
21	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	627	222,3	222.300.000	63.000.000	100.000	CĐ: 250 triệu TT: 10 triệu	2 mặt tiền
22	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	631	199,7	199.700.000	63.000.000	100.000	CĐ: 250 triệu TT: 10 triệu	Hai mặt tiền
23	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	634	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
24	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	635	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
25	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	636	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
26	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	644	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
27	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	647	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
28	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	648	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
29	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	666	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 75 triệu TT: 10 triệu	
30	Đường nội thị (Từ trụ sở UBND thị trấn cũ đến nhà ông Vàng Văn Thắng)	14	667	126	126.000.000	63.000.000	100.000	CĐ: 250 triệu TT: 10 triệu	Hai mặt tiền
31	Đường Võ Nguyên Giáp	8	407	232,2	583.286.400	63.000.000	100.000		2 mặt tiền

32		8	408	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
33		8	409	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
34		8	410	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
35		8	411	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
36		8	412	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
37		8	413	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
38		8	414	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
39		8	415	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
40		8	416	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
41		8	417	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
42		8	418	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
43		8	419	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
44		8	420	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
45		8	421	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
46		8	422	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
47		8	423	190,2	477.782.400	63.000.000	100.000		2 mặt tiền
48		8	424	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
49		8	425	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
50		8	426	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
51		8	427	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
52		8	428	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
53		8	429	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
54		8	430	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
55		8	431	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
56		8	432	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
57		8	433	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
58		8	434	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền
59		8	435	124,8	313.497.600	63.000.000	100.000		2 mặt tiền
60		8	436	126	316.512.000	63.000.000	100.000		1 mặt tiền

61		8	437	238,3	598.609.600	63.000.000	100.000		2 mặt tiền
----	--	---	-----	-------	-------------	------------	---------	--	------------

3.2. Nơi có tài sản đấu giá: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu

3.3. Số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

- Số lượng: 61 thửa

- Chất lượng: Đủ điều kiện tiến hành đấu giá

3.4. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng:

Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 đối với 94 thửa đất ở tại nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 45 thửa đất ở tại nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở về việc đấu giá quyền sử dụng 45 thửa đất ở nông thôn xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu.

Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2026 đối với 94 thửa đất ở tại nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất đối với 31 thửa đất ở tại nông thôn tại xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của Chủ tịch UBND xã Bum Tở về việc đấu giá quyền sử dụng 31 thửa đất ở nông thôn xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

4.1. Thời gian: Từ ngày 27/8/2026 đến ngày 03/9/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc)*

4.2. Địa điểm: xã Bum Tở, tỉnh Lai Châu.

(Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Lai Châu tổ chức cho người tham gia đấu giá xem tài sản).

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn bán hồ sơ mời tham gia đấu giá; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

5.1. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá:

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút ngày 27/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc)*

- Địa điểm 1: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Địa điểm 2: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tại xã Bum Tở, thôn 7, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu (trụ sở hạt Kiểm lâm huyện Mường Tè cũ) Liên hệ đồng chí Chu Mò Dứ - SĐT: 0961587012.

5.2. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (nộp hồ sơ):

- Thời gian: Từ 07 giờ 30 phút ngày 27/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2026 *(trong giờ hành chính các ngày làm việc)*

- Địa điểm 1: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

- Địa điểm 2: Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất tại xã Bum Tở, thôn 7, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu (trụ sở hạt Kiểm lâm huyện Mường Tè cũ) Liên hệ đồng chí Chu Mò Dứ - SĐT: 0961587012.

6. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: Ghi tại mục 3, Niêm yết này.

7. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

7.1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: Ghi tại mục 3.1, Niêm yết này

7.2. Khoản tiền đặt trước: Ghi tại mục 3.1, Niêm yết này.

- Người tham gia đấu giá phải nộp đúng, đủ số tiền đặt trước tương ứng với thửa đất đăng ký tham gia đấu giá. Trường hợp không nộp hoặc nộp không đủ số tiền đặt trước tương ứng với thửa đất đã đăng ký tham gia đấu giá thì hồ sơ đăng ký tham gia được coi là không hợp lệ và người đăng ký không được tham gia đấu giá đối với thửa đất đó.

7.3. Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 07 giờ 30 phút ngày 27/8/2026 đến 17 giờ 00 phút ngày 09/9/2026.

7.4. Hình thức nộp: Người tham gia đấu giá nộp tiền vào tài khoản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu - Số tài khoản: 119 0000 65176 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lai Châu.

** Nội dung nộp tiền: (Họ tên người tham gia đấu giá) nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá (Số lượng 01 hoặc 02 hoặc 03 hoặc ... hoặc 61 thửa) thửa theo Thông báo số 144/TB-TTĐGTS ngày 27/8/2026.*

8. Đối tượng, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

8.1. Đối tượng, điều kiện đăng ký tham gia đấu giá:

** Đối tượng được tham gia đấu giá:*

Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Đất đai năm 2024 (cá nhân được giao đất ở: cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam) có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp hành tốt pháp luật đất đai và phương án đấu giá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

** Điều kiện tham gia đấu giá: Cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải đáp ứng các điều kiện sau đây:*

- Thuộc đối tượng được giao đất theo quy định.

- Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu, sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá, hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về hồ sơ và nộp tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá trong thời hạn quy định; bảo đảm đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

- Không thuộc các đối tượng không được đăng ký tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật.

8.2. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Cá nhân đủ điều kiện (đã mua hồ sơ, đã nộp tiền đặt trước) trực tiếp đăng ký tham gia đấu giá tại: Trung tâm phát triển quỹ đất tại xã Bum Tở, thôn 7, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu (trụ sở hạt Kiểm lâm huyện Mường Tè cũ); Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu (Địa

chỉ: Tầng 2, tòa nhà số 01 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu).

9. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá.

9.1. Thời gian: Bắt đầu từ 09 giờ 00 phút ngày 14 tháng 9 năm 2026.

9.2. Địa điểm: Nhà Văn hoá thôn 12, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu.

10. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

10.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tiếp bằng lời nói tại phiên đấu giá.

10.2. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, thời gian trả giá giữa các lần trả giá tối đa 02 phút

11. Bước giá, giá trả hợp lệ và giá trả không hợp lệ:

11.1. Bước giá

- Đối với 05 thửa đất số: 627, 631, 407, 423, 437 bước giá cố định là: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Đối với 20 thửa đất số: 603, 604, 611, 612, 613, 614, 615, 422, 421, 420, 419, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 436 bước giá cố định là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Đối với 37 thửa đất số: 597, 598, 599, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 617, 618, 620, 621, 634, 635, 636, 644, 645, 647, 648, 666, 667, 408, 409, 410, 411, 418, 417, 416, 415, 414, 413, 412, 432, 433, 434, 435 bước giá cố định là: 75.000.000 đồng (Bảy mươi năm triệu đồng) áp dụng đối với lần trả giá đầu tiên và lần trả giá thứ hai. Từ lần trả giá thứ 3 trở đi bước giá tối thiểu là: 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Lưu ý:

+ Bước giá cố định là khoảng chênh lệch cố định giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm và lần trả giá thứ hai so với lần trả giá thứ nhất.

+ Bước giá tối thiểu là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

11.2. Giá trả hợp lệ:

- Đối với 05 thửa đất số: 627, 631, 407, 423, 437: Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), giá trả của người (lần) trả giá thứ hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), giá trả của người trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

- Đối với 20 thửa đất số: 603, 604, 611, 612, 613, 614, 615, 422, 421, 420, 419, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 436: Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), giá trả của người (lần) trả giá thứ hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), giá trả của người trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

- Đối với 37 thửa đất số: 597, 598, 599, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 617, 618, 620, 621, 634, 635, 636, 644, 645, 647, 648, 666, 667, 408, 409, 410, 411, 418, 417,

416, 415, 414, 413, 412, 432, 433, 434, 435: Giá trả của người trả giá đầu tiên phải cao hơn giá khởi điểm là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu đồng*), giá trả của người (lần) trả giá thứ hai phải cao hơn giá trả của người thứ nhất là 75.000.000 đồng (*Bảy mươi năm triệu đồng*), giá trả của người (lần) trả giá thứ ba trở đi phải cao hơn giá trả của người trả giá trước liền kề ít nhất là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

11.3. Giá trả không hợp lệ: Là giá trả trái với quy định của giá trả hợp lệ.

Mọi chi tiết xin liên hệ trực tiếp tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Lai Châu, ĐT 0213 3792 258 ./.

Nơi nhận;

- Niêm yết tại:
- + Trung tâm PTQĐ tỉnh Lai Châu;
- + TTDVĐGTS tỉnh Lai Châu;
- + Nhà Văn hoá thôn 12, xã Bum Tở tỉnh Lai Châu (nơi tổ chức phiên đấu giá);
- + UBND xã Bum Tở;
- Lưu HS, CQ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thái Hà